

Bản án số: 262/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hiền

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Quang

2/ Bà Lê Thị Minh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1182/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975; Cư trú tại: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh Nhật T1, sinh năm 1976; Cư trú tại: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/11/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thanh Nhật T1 tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2003 ngày 30/8/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: 372 Bình Thành, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2009 đến nay vợ chồng về cư ngụ tại 58/24 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa nhập tôn giáo với gia đình chồng ; ông T1 không chia sẻ công việc trong gia đình, không tạo điều kiện để bà có thể phát triển công việc ổn định nên hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng cả hai đã ly thân, mỗi người đã có

cuộc sống riêng. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Tiến, hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà T khai không có.

Về tài sản chung : Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T phát biểu quan điểm : Ông Huỳnh Thanh Nhật T1 và bà Nguyễn Thị Kim T chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc khác, kể từ ngày bà T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T1 cũng không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của mình, cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay mâu thuẫn của bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống. Do đó kính mong Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Tiến.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh Nhật T1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Thanh Nhật T1 có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Ngày 08/4/2020, Tòa án triệu tập họp lệ các đương sự đến để tham gia xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa đồng thời thông báo cho các đương sự sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 29/4/2020 nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015 Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không T1hành hòa giải được và T1hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 102, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2004 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Thanh Nhật T1 là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T1phát sinh mâu thuẫn mà theo bà T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không hòa nhập tôn giáo với gia đình chồng; ông T1không chia sẻ công việc trong gia đình, không tạo điều kiện để bà có thể phát triển công việc ổn định nên hôn nhân không hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong toàn bộ quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông T1đều không có mặt để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến cũng như quan điểm về vụ án. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà T là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung : Bà T khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều; khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Ly hôn”.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Huỳnh Thanh Nhật T1.
3. Về con chung: Bà T khai không có.

4. Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về nợ chung: Bà T khai không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0039530 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà

2/ Ông

T1hành nghị án về vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 873/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh Phượng Nguyên, sinh năm 1984; Địa chỉ: 45/7/7 Trần Thái Tông, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn : Ông Lê Xuân Quyến, sinh năm 1984; Địa chỉ: 45/7/7 Trần Thái Tông, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 1 Điều 207 ; điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 271 ; khoản 1 Điều 273 ; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 ;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Kết quả biểu quyết : 3/3

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh Phượng Nguyên về việc “Ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thanh Phượng Nguyên được ly hôn ông Lê Xuân Quyến.

3. Về con chung: bà Nguyên khai không có

4. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyên khai không có.

Kết quả biểu quyết : 3/3

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thanh Phượng Nguyên nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0039069 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Bình. Bà Nguyên đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết : 3/3

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết : 3/3

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 18 tháng 11 năm 2019 .

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của hội đồng xét xử cùng nghe, ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA